

Số: 11/2022/QĐST-HNGĐ

Hải An, ngày 22 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các **55, 58, 81, 82 và 83** của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 22/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. **Chị Lê Thị U**, sinh năm 1986; trú tại: **Số nhà 32, đường Đ, tổ dân phố số 5, phường N, quận H, thành phố Hải Phòng.**

2. **Anh Nguyễn Vũ Đ**, sinh năm 1982; trú tại: **Số nhà 32, đường Đ, tổ dân phố số 5, phường N, quận H, thành phố Hải Phòng.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: **Chị Lê Thị U** và **anh Nguyễn Vũ Đ** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường Nam Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng ngày 28 tháng 11 năm 2008 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời trình bày của hai bên và tại phiên hòa giải ngày 14 tháng 3 năm 2022 cho thấy quá trình chung sống giữa **chị U** và **anh Đ** phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh chị bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Gia đình hai bên và Tòa án đã hòa giải mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Việc **chị U** và **anh Đ** xin thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 19 và Điều 55 Luật hôn nhân và Gia đình. Vì

vậy, chấp nhận yêu cầu của **chị U và anh Đ** về việc yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn”.

[2] Về con chung: **Chị U và anh Đ** có ba con chung là Nguyễn Lê Anh T, sinh ngày 29/8/2009; Nguyễn Khánh N, sinh ngày 15/11/2011 và Nguyễn An P, sinh ngày 11/6/2021. Ly hôn, anh chị chúng tôi thống nhất thỏa thuận giao con chung Lê Anh T và Nguyễn Khánh N cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; giao con chung Nguyễn An P cho chị U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị U và anh Đ **tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.**

[3] Về tài sản chung: **Chị U và anh Đ** cùng xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: **Chị U và anh Đ** mỗi người chịu ½ lệ phí theo quy định của pháp luật.

[5] Tại Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14/3/2022, ghi nhận việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của **chị U và anh Đ** gồm các nội dung từ [1] đến [4]. Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: **Chị Lê Thị U và anh Nguyễn Vũ Đ** thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

+ Giao con chung là Nguyễn Lê Anh Tuấn, sinh ngày 29/8/2009 và Nguyễn Khánh Ngọc, sinh ngày 15/11/2011 cho anh Nguyễn Vũ Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật;

+ Giao con chung Nguyễn An Phúc, sinh ngày 11/6/2021 cho chị Lê Thị Uyên trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật;

Về cấp dưỡng nuôi con: **Chị U và anh Đ** tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: **Chị U và anh Đ** cùng xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: **Chị U và anh Đ** mỗi người phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh, chị đã nộp đủ số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo Biên lai thu số 0004689 ngày 11/3/2022.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hải An;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An;
- **UBND phường Nam Hải, Hải An, Hải Phòng;**
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, Văn phòng.

THẨM PHÁN

Đặng Văn Tuyến